

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2021/HS-ST**

Ngày: 19-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Chí

Bà Phan Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Kim B, tên gọi khác là B Chu. Sinh năm 1989 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn) 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; không theo tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Kim Q, sinh năm 1956 và bà Mạch Thị H, sinh năm 1954; có vợ là Đặng Thị Lệ T, sinh năm 1999; có 02 con sinh năm 2016 và 2018; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 25/9/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm tù về tội cố ý gây thương tích tại bản án số 112/HSPT; ngày 26/9/2006, bị Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản tại bản án số 26/HSST; ngày 30/01/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản tại bản án số 03/ST; ngày 05/3/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 04 năm tù về tội cướp giật tài sản tại bản án số 15/HSPT. Ngày 20/4/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên tổng hợp hình phạt là 7 năm tù, bị cáo đã chấp hành xong ngày 26/5/2013.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/9/2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện T tỉnh

Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2/ Ông Cao Sỹ H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3/ Ông Hà Công T, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Huỳnh Thị Xuân T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn Phước N, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

2/ Ông Lê Minh C, sinh năm 1984; nơi cư trú: 11/3 đường N, Phường 3, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

3/ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 02/9/2020, Trần Kim B đi bộ đến khu vực thôn P xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên mục đích tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khoảng 02 giờ cùng ngày, khi đến nhà ông Nguyễn Hữu T thì Bình phát hiện có xe mô tô 78P1-8542 để ở chái hiên nhà. Trần Kim B dùng cạy sắt rần cạy phá ổ khóa của cổng nhà đi vào dắt xe ra ngoài, sau khi dắt xe đi được một đoạn thì Bình dùng tuốt nơ vít cạy phá khóa xe rồi khởi động xe chạy đến cất dấu xe tại khu vực Gò Lớn thuộc thôn P xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên để tìm nơi tiêu thụ. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Bình đến lấy xe đi tiêu thụ nhưng khi vừa lấy xe ra thì bị Công an xã H phát hiện bắt giữ. Cùng ngày bị bắt, Công an huyện T khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Kim B thì phát hiện thu giữ 01 bì nilon có chứa chất bột màu trắng, 02 bì nilon chứa tinh thể màu trắng, một số dụng cụ dùng để sử dụng ma túy gồm nỏ thủy tinh, ống hút nhựa, chai nhựa, bật lửa; thu giữ 01 máy tính xách tay hiệu TOSHIBA, 04 cái tông đơ hớt tóc, 4 cái kéo hớt tóc và một số tài sản khác.

Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 04/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện T xác định xe mô tô 78P1-8542 trị giá 11.500.000 đồng. Kết luận giám định số 192/GĐ-PC09 ngày 07/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận 02 bì nilon chứa tinh thể màu trắng là ma túy có chứa 0,248g methamphetamine, 01 bì nilon có chứa chất bột màu trắng không phải ma túy.

Qua điều tra, xác định Trần Kim B còn thực hiện các vụ trộm cắp tài sản khác:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ một ngày trong tháng 5/2020 (không xác định

được ngày cụ thể) Trần Kim B lén lút trộm cắp tại nhà bếp của bà Huỳnh Thị Xuân T 01 máy tính laptop hiệu TOSHIBA trị giá 1.500.000 đồng (kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 03/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện T).

Vụ thứ hai: Khoảng 03 giờ ngày 20/8/2020, Trần Kim B dùng cây sắt rằn cạy phá ổ khóa của cổng nhà đi vào sân nhà trộm cắp xe mô tô 78H8-7266 của ông Cao Sỹ H thôn P xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên rồi khởi động xe chạy đến tiệm hớt tóc của ông Hà Công T ở gần đó cạy phá cửa vào lấy trộm 04 cái tông đơ hớt tóc, 4 cái kéo hớt tóc. Sau đó, Bình sử dụng giấy dán đề can dán dòng chữ 78H8-7280 chồng lên biển số xe 78H8-7266 để thay đổi biển số và bán xe này cho ông Lê Minh C được số tiền 1.000.000 đồng bình sử dụng tiêu sài cá nhân. Đối với 04 cái tông đơ hớt tóc, 4 cái kéo hớt tóc thì Bình cất giấu ở nhà sử dụng. Kết luận định giá tài sản số 26 và 27/KL-HĐĐGTS ngày 03/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện T xác định xe mô tô 78H8-7266 trị giá 1.900.000 đồng; 04 cái tông đơ hớt tóc và 4 cái kéo hớt tóc trị giá 1.580.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, ông Nguyễn Hữu T, ông Hà Công T, ông Cao Sỹ H, bà Huỳnh Thị Xuân T đã nhận lại tài sản bị trộm cắp. Gia đình bị cáo đã bồi thường cho ông Lê Minh C số tiền 1.000.000 đồng. Không ai yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSTH ngày 08/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Trần Kim B về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 và tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đồng ý với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, bị cáo thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại yêu cầu xét xử bị cáo theo quy định pháp luật, không ai yêu cầu bồi thường gì thêm.

Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản và tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt từ 12 đến 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Về vật chứng đề nghị sung quỹ điện thoại Nokia màu đen, trả lại giấy CMND cho bị cáo, tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, các hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, Kiểm sát viên thực

hiện đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về toàn bộ diễn biến quá trình thực hiện tội phạm. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian tháng 8 và 9/2020, bị cáo Trần Kim B đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thôn P xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, cụ thể: Khoảng 03 giờ ngày 20/8/2020, Trần Kim B dùng cây sắt rằn cạy phá ổ khóa của cổng nhà ông Cao Sỹ H lén lút lấy trộm xe mô tô 78H8-7266 để ở sân nhà rồi khởi động xe chạy đến tiệm hớt tóc của ông Hà Công T ở gần đó lấy trộm 04 cái tông đơ hớt tóc, 4 cái kéo hớt tóc. Tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 3.480.000 đồng. Tiếp đó, khoảng 02 giờ ngày 02/9/2020, Trần Kim B dùng cây sắt rằn cạy phá ổ khóa cửa cổng, lén lút đột nhập vào nhà và trộm cắp xe mô tô 78P1-8542 của ông Nguyễn Hữu T trị giá 11.500.000 đồng để ở chái nhà. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Ngoài hành vi phạm tội trên thì ngày 02/9/2020, Công an huyện T khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Kim B phát hiện thu giữ 02 bì nilon chứa tinh thể màu trắng là ma túy có chứa 0,248g methamphetamine được bị cáo tàng trữ tại nhà để sử dụng cá nhân; thu giữ một số dụng cụ dùng để sử dụng ma túy gồm nỏ thủy tinh, ống hút nhựa, chai nhựa, bật lửa. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước về các chất ma túy; thể hiện thái độ coi thường pháp luật, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân nên cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm cho xã hội.

[6] Đối với hành vi trộm cắp tài sản: Bị cáo từng bị xét xử nhiều lần và đã trải qua thời gian chấp hành hình phạt tù về hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo nhận thức rõ thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt. Tuy nhiên, quá trình điều tra bị cáo không thành khẩn khai báo, nhiều lần khai gian dối nhằm che giấu tội phạm do đó Tòa án không chấp nhận đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo của Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo 3 lần trộm cắp tài sản, trong đó hai lần đủ mức truy cứu trách nhiệm hình sự là tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên. Hành vi dùng dây cột cửa nhà ông Cao Sỹ H sau khi lấy trộm được tài sản nhằm ngăn cản sự truy đuổi của chủ sở hữu nếu bị phát hiện và hành vi mang tài sản trộm cắp được mang đi cất giấu ở khu vực ít người qua lại thể hiện thái độ, ý thức cố tình thực hiện tội phạm đến cùng của bị cáo. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự HĐXX áp dụng cho bị cáo khi lượng hình. Bị cáo đã tác động gia đình (chị ruột bị cáo) bồi thường khắc phục hậu quả 1.000.000 đồng

cho ông Lê Minh C là tình tiết giảm nhẹ Tòa án áp dụng cho bị cáo khi lượng hình. Bị cáo có nhân thân xấu, từng trải qua thời gian dài chấp hành hình phạt tù nhưng không ăn năn hối cải mà tiếp tục phạm tội thể hiện khả năng cải tạo rất kém; bị cáo có nhiều tình tiết tăng nặng, chỉ có một tình tiết giảm nhẹ vì vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt cao hơn mức Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mới tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đối với bị cáo.

[7] Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy: Chất Methamphetamine hay còn gọi là ma túy đá là chất ma túy rất nguy hiểm thuộc danh mục chất cấm theo quy định của Chính phủ. Bị cáo nhận thức rõ sử dụng ma túy là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý mua và tàng trữ để sử dụng cá nhân. Vì vậy cần xử lý nghiêm khắc đảm bảo tương xứng tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[8] Về vật chứng: 0,104g chất bột màu trắng, 0,155g chất ma túy Methamphetamine, 12 túi nhựa màu trắng, 01 hộp nhựa tròn, 8 ống nhựa, 01 bình ga, 01 chai nhựa, 02 chai thủy tinh, 03 vỏ thủy tinh, 05 cái quẹt ga, 01 túi sách bằng vải, 01 thanh kim loại tròn, 01 ống tuýp kim loại, 01 kim kim loại, 01 tuốt nơ vít, 01 nhíp, 02 đoạn kim loại, 01 đèn pin tự chế, 01 đoạn gỗ, 1 khẩu trang trắng, 01 miếng dán đề can, 01 quần sọt Jean, 01 áo Jean dài tay, 01 mũ dìm, 01 đôi dép cao su, 01 khẩu trang là vật dùng vào việc phạm tội; 01 ổ khóa điện xe mô tô, 01 ổ khóa hiệu Việt hàn, 01 giấy đăng ký xe của Phạm Văn Tèo không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoại Nokia màu đen và giấy CMND là tài sản của bị cáo nên trả lại.

[9] Về dân sự đã giải quyết xong không ai yêu cầu gì thêm.

[10] Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm e, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Kim B phạm tội: Trộm cắp tài sản. Xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Kim B phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo, buộc bị cáo chấp hành hình phạt của hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 02/9/2020.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 0,104 gam chất bột màu trắng, 0,155g chất ma túy Methamphetamine, 12 túi nhựa màu trắng, 01 hộp nhựa tròn, 08 ống nhựa, 01 bình ga, 01 chai nhựa, 02 chai thủy

tin, 03 nỏ thủy tin, 05 cái quạt ga, 01 túi sách bằng vải, 01 thanh kim loại tròn, 01 ống tuýp kim loại, 01 kìm kim loại, 01 tuốt nơ vít, 01 nheíp, 02 đoạn kim loại, 01 đèn pin tự chế, 01 đoạn gỗ, 01 khẩu trang trắng, 01 miếng dán đề can, 01 quần sọt Jean, 01 áo Jean dài tay, 01 mũ dìm, 01 đôi dép cao su, 01 khẩu trang là vật dùng vào việc phạm tội; 01 ổ khóa điện xe mô tô, 01 ổ khóa hiệu Việt hàn, 01 giấy đăng ký xe của Phạm Văn Tèo. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Nokia màu đen và giấy CMND của Trần Kim B. Vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/02/2021 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện T tỉnh Phú Yên.

4. Về án phí: Căn cứ các Điều 23; mục A danh mục án phí lệ phí Tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- CC THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Vinh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương

mai thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)